

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/HSST
Ngày: 09 - 01 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Tân
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Bằng và bà Phan Thị Lan Hương
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Nga, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2025/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/QĐXXST-HS ngày 28/11/2025 đối với bị cáo: Nguyễn Thị L, tên gọi khác: không; sinh ngày 12 tháng 02 năm 1983 tại tỉnh Quảng Trị. Nơi cư trú: Thôn Đường 2, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Nhật Lê (chết) và bà Hoàng Thị Hoi; có chồng Đinh Văn Chung và có 01 người con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 30/7/2025 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:
1. Anh Đinh Minh H, sinh năm: 1982; Nơi cư trú: Thôn 1, xã Đồng Trạch, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.
2. Anh Nguyễn Minh Ph, sinh năm: 2002; Nơi cư trú: Thôn 2, xã Hoàn Lão, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.
Đại diện theo ủy quyền của bị hại Nguyễn Minh Ph có bà Phan Thị V, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Thôn 2, xã Hoàn Lão, tỉnh Quảng Trị, có mặt.
3. Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 2002; Nơi cư trú: Thôn 1, xã Hoàn Lão, tỉnh Quảng Trị, có mặt.
4. Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm: 1968; Địa chỉ: Tổ dân phố 3, xã Hoàn Lão, tỉnh Quảng Trị, có mặt.
5. Bà Hà Thị N, sinh năm: 1974; Địa chỉ: Tổ dân phố Xung Kích, xã Nam Trạch, tỉnh Quảng Trị, có mặt.
6. Anh Trần Ngọc L, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Tổ dân phố Dũng Cảm, xã Nam Trạch, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

7. Anh Võ Thái S, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Tổ dân phố Quyết Thắng, xã Nam Trạch, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

8. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Tổ dân phố Xung Kịch, xã Nam Trạch, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

9. Chị Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm: 1988 (Đồng thời cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan); Địa chỉ: Tổ dân phố Xung Kịch, xã Nam Trạch, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị Thanh H, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Tổ dân phố 4, xã Hoàn Lão, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 2001; Địa chỉ: Tổ dân phố 3, xã Hoàn Lão, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

3. Chị Lưu Thị Tr, sinh năm: 2000; Địa chỉ: Tổ dân phố Xung Kịch, xã Nam Trạch, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Lưu Thị T, sinh năm: 1966; Địa chỉ: Tổ dân phố Xung Kịch, xã Nam Trạch, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào các năm 2022, 2023, Nguyễn Thị L mặc dù không có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đưa người xuất cảnh sang nước ngoài, cũng không làm việc cho cơ quan, tổ chức nào có nhiệm vụ đưa người đi nước ngoài nhưng Lưu đã đăng tải trên tài khoản Facebook, Zalo cá nhân với nội dung tuyển dụng người đi du học, xuất khẩu lao động, du lịch sang các nước Hàn Quốc, Đài Loan và Nhật Bản. Đầu tháng 9/2022, Phạm Thị Thanh H biết được thông tin trên nên đã liên lạc với Lưu hỏi về quy trình, thủ tục làm hồ sơ đi du lịch Hàn Quốc. Quá trình trao đổi với Huyền, Lưu đưa ra thông tin đã làm được cho nhiều người xuất cảnh đi nước ngoài, nếu Huyền giới thiệu được người có nhu cầu đi nước ngoài và người đó xuất cảnh thì Huyền sẽ được hưởng tiền hoa hồng. Sau khi tiếp nhận thông tin từ Lưu, Huyền sử dụng tài khoản Facebook cá nhân “Huyền Phạm” đăng tải nội dung tìm người có nhu cầu đi du lịch Hàn Quốc. Khi thấy bài đăng của Huyền, anh Đinh Minh H liên lạc với Huyền hỏi làm hồ sơ đi du lịch Hàn Quốc cho anh trai là Đinh Minh Hưng. Huyền báo chi phí 80.000.000 đồng. Ngày 13/9/2022, Hoàng chuyển cho Huyền 23.500.000 đồng đến số tài khoản 53110000572262, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chủ tài khoản PHAM THI THANH HUYEN. Sau đó, Huyền chuyển toàn bộ số tiền trên cho Lưu qua số tài khoản 3800205274178, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chủ tài khoản NGUYEN THI LUU. Ngày 26/9/2022, Huyền và anh Hoàng ký Giấy hợp đồng đặt cọc, anh Hoàng tiếp tục chuyển cho Huyền 38.800.000 đồng và Huyền đã chuyển số tiền trên cho Lưu. Sau khi nhận tổng số tiền 62.300.000 đồng từ Huyền để làm thủ tục du lịch Hàn Quốc cho anh Hưng, Lưu chuyển lại cho Huyền 11.500.000 đồng là tiền “hoa hồng” mà Huyền được hưởng, còn lại 50.800.000 đồng Lưu giữ lại và sử dụng chi tiêu cá nhân.

Trong khoảng thời gian này, Nguyễn Thị Thúy L thấy Facebook “Huyền Phạm” có nhận làm thủ tục đi du lịch Hàn Quốc nên đã liên hệ với Huyền thì biết Huyền có quen với Nguyễn Thị L là người chuyên làm hồ sơ đi nước ngoài, nếu giới thiệu được người đi thì được hưởng “hoa hồng”. Qua mối quan hệ xã hội, Lài biết Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Minh Ph, Lưu Thị Tr (có mẹ là Hà Thị N) và Nguyễn Văn H (có mẹ là Nguyễn Thị Ph) có nhu cầu đi du lịch Hàn Quốc nên đã giới thiệu bốn người trên cho Huyền. Ngày 30/9/2022, Lài dẫn Phúc, Hương, Trâm, Hậu và bà Phượng đến nhà của Huyền. Tại đây, Huyền gọi điện thoại cho Lưu để Lưu tư vấn cho những người trên. Sau đó, mỗi người nộp tiền cọc cho Huyền 24.000.000 đồng (tổng 96.000.000đ) và Huyền lập “Giấy hợp đồng nhận cọc thay công ty” về việc làm hồ sơ du lịch Hàn Quốc và cam kết sau 02 tháng kể từ ngày nhận cọc những người trên sẽ xuất cảnh sang Hàn Quốc, nếu không sẽ hoàn trả lại tiền. Ngày 10/10/2022, tại nhà của Huyền, lúc này Lưu cũng có mặt thì Phúc, bà Năm (mẹ của Trâm) và bà Phượng (mẹ của Hậu) đã đóng tiền cọc đợt 2, mỗi người 70.000.000 đồng. Ngày 17/10/2022, Nguyễn Thị Thu H nộp tiền cọc đợt 2 là 70.000.000 (tổng Huyền thu tiền cọc đợt 02 của bốn người là 280.000.000 đồng). Sau khi nhận tiền của 4 người trên, Huyền đã nhiều lần chuyển khoản và đưa tiền mặt cho Lưu. Cụ thể, ngày 30/9/2022 Huyền chuyển khoản 71.500.000 đồng, ngày 10/10/2022 Huyền đưa tiền mặt 62.700.000 đồng và chuyển khoản 10.000.000 đồng, ngày 01/4/2023 Huyền chuyển khoản 12.000.000 đồng, ngày 05/6/2023 chuyển khoản 60.000.000 đồng. Như vậy, Huyền nhận của Phúc, Hương, Nguyễn Thị Ph (mẹ của Hậu) và Hà Thị N (mẹ của Trâm) mỗi người 94.000.000 đồng để làm thủ tục đi du lịch Hàn Quốc, tổng 376.000.000 đồng. Huyền chuyển cho Lưu 216.200.000 (của mỗi người 54.050.000 đồng), Huyền chuyển cho Lài 10.000.000 đồng tạm ứng tiền hoa hồng (của mỗi người 2.500.000 đồng), Huyền giữ lại 149.800.000 đồng để sau này tính tiền hoa hồng (của mỗi người 37.450.000 đồng). Sau khi nhận số tiền trên Lưu đã sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân. Ngoài ra, Huyền còn nhận của Nguyễn Văn H, Nguyễn Minh Ph và Nguyễn Thị Thu H mỗi người 12.000.000 đồng (tổng 36.000.000 đồng) và đã chuyển cho Lưu để làm hồ sơ đi du lịch Malaysia, Singapore. Hậu, Phúc, Hương đã đi du lịch Malaysia, Singapore và đã chi phí hết số tiền 36.000.000 đồng.

Đầu năm 2023, Nguyễn Thị Thúy L có nhu cầu làm cho chồng là Phan Chiến Linh đi du lịch Đài Loan nên Lài tự bỏ ra 56.000.000 đồng nộp cho Lưu để Lưu làm hồ sơ, thủ tục đi du lịch Đài Loan cho Phan Chiến Linh. Sau đó, Lài biết Võ Thái S, Lê Anh Tài (có mẹ là Nguyễn Thị Th) có nhu cầu đi du lịch Hàn Quốc và Trần Ngọc L có nhu cầu đi du lịch Đài Loan nên đã trực tiếp giới thiệu 03 người trên cho Lưu làm thủ tục để hưởng tiền hoa hồng. Lài đã nhận tiền cọc 94.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Th (mẹ của Lê Anh Tài), nhận 59.000.000 của anh Trần Ngọc L và nhận 82.400.000 đồng của Võ Thái S. Tổng số tiền Lài nhận của của 03 người là 235.400.000 đồng. Sau đó Lài đã chuyển cho Nguyễn Thị L 163.600.000 đồng (của Tài 65.342.000 đồng; của Trần Ngọc L 40.980.000 đồng; của Võ Thái S 57.278.000 đồng) để Lưu làm thủ tục cho Lê Anh Tài, Võ Thái S đi du lịch Hàn Quốc và cho

Trần Ngọc L đi du lịch Đài Loan. Còn số tiền 71.800.000 đồng (của Lê Anh Tài 28.658.000 đồng; của Trần Ngọc L 18.020.000 đồng; của Võ Thái S 25.122.000 đồng) Lài giữ lại để tính vào tiền “hoa hồng” như đã thỏa thuận. Sau khi nhận số tiền trên Lưu đã sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân.

Tổng số tiền mà Nguyễn Thị L đã chiếm đoạt của 09 bị hại là 498.100.000 đồng (Bốn trăm chín mươi tám triệu một trăm nghìn đồng).

- Việc thu giữ và xử lý vật chứng vụ án: Cơ quan CSĐT đã thu giữ 01 “Giấy nhận tiền cọc” đề ngày 10/10/2022, có chữ ký và chữ viết của Nguyễn Thị L; 01 “Giấy hợp đồng đặt cọc” đề ngày 26/9/2022, có chữ ký và chữ viết của Phạm Thị Thanh H; 04 Giấy “Hợp đồng nhận cọc thay công ty” đề ngày 30/9/2022, có chữ ký và chữ viết của Phạm Thị Thanh H; 01 giấy “Du lịch Hàn Quốc” đề ngày 10/11/2022, có chữ ký và chữ viết ở mục người thu tiền là Nguyễn Thị Thúy L. Hiện đang lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

- Trách nhiệm dân sự:

Phạm Thị Thanh H đã trả lại cho các bị hại số tiền 161.300.000 đồng mà Huyền giữ để tính tiền hoa hồng, cụ thể: trả lại cho anh Đinh Minh H 11.500.000 đồng; cho chị Nguyễn Thị Thu H 37.450.000 đồng; cho anh Nguyễn Minh Ph 37.450.000 đồng; cho bà Nguyễn Thị Ph 37.450.000 đồng; cho bà Hà Thị N 37.450.000 đồng.

Nguyễn Thị Thúy L đã trả lại cho các bị hại số tiền 81.800.000 đồng mà Lài giữ để tính tiền hoa hồng, cụ thể: trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu H số tiền 2.500.000 đồng; cho anh Nguyễn Minh Ph 2.500.000 đồng; cho bà Nguyễn Thị Ph 2.500.000 đồng; cho bà Hà Thị N 2.500.000 đồng; cho bà Nguyễn Thị Th 28.658.000 đồng; cho anh Trần Ngọc L 18.020.000 đồng; cho anh Võ Thái S 25.122.000 đồng.

Các bị hại yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị L trả lại số tiền đã chiếm đoạt, cụ thể: bị hại Đinh Minh H yêu cầu bị cáo trả lại 50.800.000 đồng; bị hại Nguyễn Thị Thu H yêu cầu trả lại 54.050.000 đồng, bị hại Nguyễn Minh Ph yêu cầu trả lại 54.050.000 đồng, bị hại Nguyễn Thị Ph yêu cầu trả lại 54.050.000 đồng và bị hại Hà Thị N yêu cầu trả lại 54.050.000 đồng; bị hại Nguyễn Thị Th yêu cầu trả lại 65.342.000 đồng, bị hại Trần Ngọc L yêu cầu trả lại 40.980.000 đồng; bị hại Võ Thái S yêu cầu trả lại 57.278.000 đồng và bị hại Nguyễn Thị Thúy L yêu cầu trả lại 56.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường nhưng hiện giờ do điều kiện gia đình khó khăn nên bị cáo chưa bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 18/CT-VKSKV1 ngày 30 tháng 9 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 12 đến 13 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án; đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo vì bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định;

Về xử lý vật chứng: Đề nghị lưu theo hồ sơ vụ án 01 “Giấy nhận tiền cọc” đề ngày 10/10/2022, có chữ ký và chữ viết của Nguyễn Thị L; 01 “Giấy hợp đồng đặt cọc” đề ngày 26/9/2022, có chữ ký và chữ viết của Phạm Thị Thanh H; 04 Giấy

“Hợp đồng nhận cọc thay công ty” đề ngày 30/9/2022, có chữ ký và chữ viết của Phạm Thị Thanh H; 01 giấy “Du lịch Hàn Quốc” đề ngày 10/11/2022, có chữ ký và chữ viết ở mục người thu tiền là Nguyễn Thị Thúy L

Về dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho những người bị hại theo số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt;

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo và trách nhiệm chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị hại đều có chung ý kiến: Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường lại số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt cho các bị hại. Đồng thời, đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Thị L nhất trí tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, không có ý kiến tranh luận gì thêm. Tại lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định pháp luật về tố tụng.

Việc một số bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, nhân chứng vắng mặt tại phiên tòa, xét thấy trong quá trình điều tra giải quyết vụ án, đã thu thập được lời khai của người này, nên sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về hành vi phạm tội: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị L đều thống nhất thừa nhận: Vào các năm 2022, 2023, lợi dụng sự tin tưởng của các bị hại, Lừa dùng thủ đoạn gian dối, tạo thông tin giả là đăng tải trên tài khoản Facebook, Zalo cá nhân với nội dung tuyển dụng người đi du học, xuất khẩu lao động, du lịch sang các nước Hàn Quốc, Đài Loan và Nhật Bản nhằm mục đích là lừa gạt để chiếm đoạt tiền của những bị hại, phục vụ cho việc tiêu xài cá nhân. Xét thấy lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với lời khai của những bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cũng như các tài liệu chứng cứ khác được thu thập tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Tổng số tiền mà Nguyễn Thị L chiếm đoạt của 09 bị hại là 498.100.000 đồng, đây là tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận: Bị cáo Nguyễn Thị L đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự, nên việc truy tố của Viện kiểm sát là hoàn toàn có cơ sở và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo đã gây nguy hiểm đến xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản, ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của gia đình bị hại, gây ảnh hưởng đến trật tự chung trên địa bàn. Bị cáo là người có nhận thức đầy đủ nhưng chỉ muốn hưởng thụ lại lười lao động nên đã chiếm đoạt thành quả lao động của người khác để thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Mặc dù không có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đưa người xuất cảnh sang nước ngoài, cũng không làm việc cho cơ quan, tổ chức nào có nhiệm vụ đưa người đi nước ngoài nhưng bị cáo đã tự mạo nhận và tự đưa ra thông tin giả để đánh lừa những bị hại nhằm mục đích để chiếm đoạt tiền của họ và mất khả năng hoàn trả. Hành vi này của bị cáo cho thấy bị cáo là đối tượng có ý thức coi thường pháp luật, sẵn sàng vi phạm pháp luật khi có điều kiện. Vì vậy, cần phải áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự để xử phạt nghiêm khắc đối với bị cáo nhằm đảm bảo răn đe, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong khoảng thời gian ngắn bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi nhận tiền của những bị hại khác nhau và ở những thời điểm khác nhau, các lần đó đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có mẹ là bà Hoàng Thị Hoi là người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình (nay là tỉnh Quảng Trị) tặng Bằng khen, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên cần chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên để miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 “Giấy nhận tiền cọc” đề ngày 10/10/2022, có chữ ký và chữ viết của Nguyễn Thị L; 01 “Giấy hợp đồng đặt cọc” đề ngày 26/9/2022, có chữ ký và chữ viết của Phạm Thị Thanh H; 04 Giấy “Hợp đồng nhận cọc thay công ty” đề ngày 30/9/2022, có chữ ký và chữ viết của Phạm Thị Thanh H; 01 giấy “Du lịch Hàn Quốc” đề ngày 10/11/2022, có chữ ký và chữ viết ở mục người thu tiền là Nguyễn Thị Thúy L. Xét các vật chứng này là một trong những căn cứ để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên chuyển lưu theo hồ sơ vụ án.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và cho đến phiên tòa hôm nay các bị hại đều yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt cho các bị hại, bị cáo đồng ý nhưng chưa bồi thường. Vì vậy cần buộc bị cáo phải bồi thường, cụ thể: Bồi thường cho bị hại Đinh Minh H số tiền 50.800.000 đồng; bị hại Nguyễn Thị Thu H số tiền 54.050.000 đồng, bị hại Nguyễn Minh Ph số tiền 54.050.000 đồng, bị hại Nguyễn Thị Ph số tiền 54.050.000 đồng và bị hại Hà Thị N số tiền 54.050.000 đồng; bị hại Nguyễn Thị Th số tiền 65.342.000 đồng, bị hại Trần Ngọc L số tiền 40.980.000 đồng; bị hại Võ Thái S số tiền 57.278.000 đồng và bị hại

Nguyễn Thị Thúy L số tiền 56.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Trong vụ án, có hành vi của Phạm Thị Thanh H và Nguyễn Thị Thúy L là người giới thiệu và kết nối các bị hại cho Lựu làm thủ tục xuất cảnh để được hưởng tiền hoa hồng nhưng Huyền và Lài không biết hành vi của Lựu là vi phạm pháp luật. Số tiền Huyền và Lài nhận thì Huyền và Lài đã trả lại cho các bị hại nên không xử lý.

Đối với số tiền mà Nguyễn Văn H, Nguyễn Minh Ph và Nguyễn Thị Thu H mỗi người nộp 12.000.000 đồng (tổng 36.000.000 đồng) cho Nguyễn Thị L để làm hồ sơ đi du lịch Malaysia, Singapo và Hậu, Phúc, Hường cũng đã đi du lịch sang Malaysia, Singapo và đã chi phí hết số tiền trên nên không xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Phạt bị cáo Nguyễn Thị L 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị cáo đi thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Chuyển lưu theo hồ sơ vụ án 01 “Giấy nhận tiền cọc” đề ngày 10/10/2022, có chữ ký và chữ viết của Nguyễn Thị L; 01 “Giấy hợp đồng đặt cọc” đề ngày 26/9/2022, có chữ ký và chữ viết của Phạm Thị Thanh H; 04 Giấy “Hợp đồng nhận cọc thay công ty” đề ngày 30/9/2022, có chữ ký và chữ viết của Phạm Thị Thanh H; 01 giấy “Du lịch Hàn Quốc” đề ngày 10/11/2022, có chữ ký và chữ viết ở mục người thu tiền là Nguyễn Thị Thúy L.

4. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải bồi thường cho những bị hại số tiền là 486.600.000 đồng, cụ thể: Bồi thường cho bị hại Đinh Minh H số tiền 50.800.000 đồng; bị hại Nguyễn Thị Thu H số tiền 54.050.000 đồng, bị hại Nguyễn Minh Ph số tiền 54.050.000 đồng, bị hại Nguyễn Thị Ph số tiền 54.050.000 đồng; bị hại Hà Thị N số tiền 54.050.000 đồng; bị hại Nguyễn Thị Th số tiền 65.342.000 đồng, bị hại Trần Ngọc L số tiền 40.980.000 đồng; bị hại Võ Thái S số tiền 57.278.000 đồng và bị hại Nguyễn Thị Thúy L số tiền 56.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền bồi thường trên, bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền cần phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự (do đây là trường hợp các bên không có thỏa thuận).

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 23.464.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng những bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết công khai bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 1;
- Công an tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Bộ phận THAHS;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Quốc Tân